

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/DS-PT  
Ngày: 18 - 8 - 2020  
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lộc

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Trường  
Bà Trần Thị Ngọc Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Bé Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST, ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Đoan T2, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Do có kháng cáo của:* bà Hồ Đoan T2 là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T1 trình bày:* Vào đầu năm 2017 ông

T1 gặp bà Hồ Đoan T2 tại địa bàn xã Song Phú, giữa hai người là bạn cũ nên bà T2 có vận động ông T1 góp vốn xây dựng nhà trọ thì ông T1 đồng ý. Cụ thể các lần chuyển tiền: Ngày 18/01/2018 chuyển 200.000.000đ, ngày 31/01/2018 chuyển 800.000.000đ qua ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Tam Bình, phòng giao dịch Song Phú.

Trong quá trình xây dựng nhà trọ thì ông T1 nhận thấy không rõ ràng trong việc thu chi xây dựng nên yêu cầu rút tiền hùn vốn lại nhưng phía bà T2 không trả lại vốn.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ; tiền lãi đối với khoản tiền 200.000.000đ x 0.83% x 26 tháng (tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/02/2020) = 43.160.000đ và tiền lãi đối với khoản tiền 800.000.000đ x 0.83% x 24 tháng 19 ngày (tính từ ngày 31/01/2018 đến ngày 19/02/2020) = 163.560.000đ.

- *Bị đơn bà Hồ Đoan T2 trình bày:* Bà T2 không đồng ý theo yêu cầu của ông T1 yêu cầu bà T2 trả số tiền gốc là 1.000.000.000đ, tiền lãi đối với khoản tiền 200.000.000đ x 0.83% x 26 tháng (tính từ ngày 18/01/2018 đến ngày 18/02/2020) = 43.160.000đ và tiền lãi đối với khoản tiền 800.000.000đ x 0.83% x 24 tháng 19 ngày (tính từ ngày 31/01/2018 đến ngày 19/02/2020) = 163.560.000đ.

Lý do: Vào tháng 5/2016 ông T1 có mượn bà T2 200.000.000đ để chuộc xe và trả nợ ngân hàng với lãi suất 3%, đến tháng 01/2017 thì tiếp tục vay thêm số tiền là 800.000.000đ, lãi suất 3%, hai hợp đồng mượn tiền đều có viết giấy nợ.

Khi vay thì giữa các bên giao kèo đến đầu năm 2018 thì thu hồi vốn. Cụ thể ông T1 đã trả tiền cho bà T2 qua Nông nghiệp và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Tam Bình, phòng giao dịch Song Phú ngày 18/01/2018 là 200.000.000đ và ngày 31/01/2018 là 800.000.000đ. Đến tháng 02/2018 ông T1 gặp bà T2 đóng tiền lãi còn lại thì bà T2 đã trả lại 02 giấy nhận nợ cho ông T1 và hai bên kết thúc hợp đồng vay tiền.

Mỗi tháng anh T1 đóng lãi đầy đủ cho bà T2 nhưng không có lập biên nhận hoặc sổ theo dõi. Phương thức trả tiền lãi trực tiếp có chuyển khoản qua ngân hàng.

Bà T2 khẳng định không có hợp đồng góp vốn với ông T1 để xây dựng nhà trọ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã xử:*

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 166 ; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T1.

Buộc bà Hồ Đoan T2 trả lại cho ông Nguyễn Anh T1 số tiền 1.000.000.000đ và số tiền lãi là 206.720.000đ, tổng cộng là 1.206.720.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/3/2020 bà Hồ Đoan T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bác bỏ yêu cầu khởi kiện của ông T1 vì trên thực tế bà T2 hoàn toàn không có hùn vốn với ông T1 và cũng không có thiếu ông T1 một khoản tiền nào.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bà Hồ Đoan T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T2 không đồng ý trả cho ông T1 số tiền 1.000.000.000đ.

- Ông Nguyễn Anh T1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Đoan T2. Ông T1 cũng thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà T2 trả lại số tiền vốn là 1.000.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hồ Đoan T2 là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Đoan T2, sửa bản án sơ thẩm. Bà Hồ Đoan T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 20/02/2020, đến ngày 02/3/2020 bà Hồ Đoan T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của bà T2 còn trong hạn luật định và bà T2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Tòa phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Bà Hồ Đoan T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T1. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Anh T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà T2 trả cho ông T1 số tiền vốn 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), không yêu cầu tính lãi. Xét, việc ông T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Ông Nguyễn Anh T1 trình bày: ông và bà T2 là bạn. Vào năm 2017 khi ông và bà T2 gặp nhau tại địa bàn xã Song Phú, huyện Tam Bình thì bà T2 vận động ông T1 hùn vốn xây dựng nhà trọ với bà T2 thì ông T1 đồng ý. Do đó ngày 18/01/2018 ông T1 chuyển cho bà T2 200.000.000đ và ngày 31/01/2018 ông T1 tiếp tục chuyển cho bà T2 800.000.000đ, tổng cộng là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Do việc thu chi không rõ ràng nên ông T1 xin rút lại phần hùn vốn với bà T2, nhưng phía bà T2 không đồng ý. Việc hùn vốn chỉ nói miệng không có hợp đồng. Bà Hồ Đoan T2 không thừa nhận có hùn vốn xây nhà trọ với ông T1. Bà T2 cho rằng 200.000.000đ ông T1 chuyển cho bà ngày 18/01/2018 và 800.000.000đ ông T1 chuyển cho bà ngày 31/01/2018 là số tiền mà ông T1 chuyển trả cho bà tiền mà ông T1 vay của bà vào năm 2016 và 2017. Khi vay tiền của bà ông T1 có viết biên nhận và khi bà nhận tiền của ông T1 chuyển trả xong thì bà trả lại biên nhận cho ông T1 và hai bên kết thúc hợp đồng vay tiền. Phía ông T1 không thừa nhận có vay tiền của bà T2, bà T2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là ông T1 có vay của bà T2 số tiền 1.000.000.000đ.

Tại cấp phúc thẩm bà T2 cung cấp chứng cứ mới là các chứng từ chuyển tiền ngày 25/01/2018 ông T1 chuyển cho bà T2 5.600.000đ; ngày 03/01/2018 ông T1 chuyển cho bà T2 số tiền 25.000.000đ và ngày 07/7/2017 ông T1 chuyển cho bà T2 số tiền 10.000.000đ. Bà T2 cho rằng các khoản tiền này là ông T1 trả tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000đ, nhưng ông T1 không thừa nhận là tiền đóng lãi, bà T2 không chứng minh được từng khoản tiền 5.600.000đ, 25.000.000đ và 10.000.000đ mà bà đã nhận của ông T1 trả lãi cho khoản tiền vay 200.000.000đ hay 800.000.000đ. Nên việc bà T2 cho rằng số tiền ông T1 chuyển cho bà T2 ngày 18/01/2018 là 200.000.000đ và ngày 31/01/2018 là 800.000.000đ là tiền ông T1 trả nợ cho bà T2 là không có căn cứ.

Bà T2 thừa nhận có nhận của ông T1 số tiền 200.000.000đ vào ngày 18/01/2018 và 800.000.000đ vào ngày 31/01/2018. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T1, buộc bà T2 trả ông T1 1.000.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Đoan T2, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc bà Hồ Đoan T2 trả cho ông Nguyễn Anh T1 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

**[3]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí được xác định lại như sau: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Hồ Đoan T2 phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của ông T1 được Tòa chấp nhận là:  $36.000.000đ + 3\% \times (1.000.000.000đ - 800.000.000đ) = 42.000.000đ$  (bốn mươi hai triệu đồng).

- Ông Nguyễn Anh T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên bà Hồ Đoan T2 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà T2 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

*Bởi các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Đoan T2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T1. Buộc bà Hồ Đoan T2 trả cho ông Nguyễn Anh T1 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Hồ Đoan T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng).

2.2. Ông Nguyễn Anh T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 23.614.500đ (hai mươi ba triệu sáu trăm mười bốn ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0012088 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Đoan T2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã

nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012472 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND huyện Tam Bình: 01;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- Các đương sự: 02;
- Tổ HC-TP và TDS TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Lưu hồ sơ: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐẶNG VĂN LỘC**